

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030

Triển khai Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ di sản tại cộng đồng, duy trì thực hành thường xuyên, trao truyền cho thế hệ trẻ, bảo vệ không gian văn hóa và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Cụ thể hóa trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND; bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung, công khai, minh bạch, không trùng lặp, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và các quy định hiện hành.

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng các dân tộc thiểu số đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa công chiêng; tôn trọng phong tục, tập quán, yếu tố thiêng, quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng trong quá trình truyền dạy, phục dựng, tư liệu hóa, số hóa và khai thác giá trị di sản. Đây cũng là yêu cầu đã được nhấn mạnh trong hồ sơ đánh giá thực trạng, theo hướng bảo vệ và phát huy di sản gắn với phát triển du lịch bền vững và sinh kế cộng đồng trên nguyên tắc tôn trọng cộng đồng, bảo đảm chia sẻ lợi ích công bằng.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, nguyên tắc và nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND; bảo đảm vai trò chủ thể của cộng đồng, không làm sai lệch, biến dạng hoặc thương mại hóa không phù hợp giá trị di sản.

- Ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cụ thể, có phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành.

- Ưu tiên địa bàn còn duy trì thực hành di sản công chiêng; địa bàn có nghệ nhân, người thực hành, đội, nhóm, câu lạc bộ hoạt động thường xuyên; địa bàn có nguy cơ mai một nghi lễ, lễ hội truyền thống; địa bàn có điều kiện phát triển mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ di sản.

- Gắn việc triển khai Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND với các chương trình, đề án, kế hoạch về văn hóa, dân tộc, giáo dục, du lịch, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Triển khai trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là các xã, phường, buôn, thôn có cộng đồng dân tộc thiểu số đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa công chiêng; các địa bàn có nghệ nhân, câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng; các không gian văn hóa cộng đồng có khả năng phục vụ thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản.

2. Đối tượng áp dụng

- Cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có di sản văn hóa công chiêng.

- Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, nghệ nhân, người thực hành, người trực tiếp tham gia truyền dạy, thực hành, trao truyền di sản văn hóa công chiêng.

- Các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng đủ điều kiện theo quy định.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện

- Năm 2026: tổ chức quán triệt, hướng dẫn triển khai; rà soát, chuẩn hóa dữ liệu; lập danh mục nhiệm vụ ưu tiên; bố trí dự toán và triển khai các nhiệm vụ cấp thiết.

- Từ năm 2027 đến năm 2029: triển khai đồng bộ các nhóm chính sách; kiểm tra, đánh giá hằng năm; điều chỉnh danh mục hỗ trợ theo thực tiễn.

- Năm 2030: hoàn thành các mục tiêu giai đoạn; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; đề xuất định hướng chính sách giai đoạn tiếp theo.

III. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. 100% sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường có địa bàn thực hành di sản văn hóa công chiêng ban hành Kế hoạch hoặc văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Hằng năm, cấp tỉnh phối hợp với các địa phương tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các lớp truyền dạy, thực hành, trao truyền di sản văn hóa công chiêng;

UBND cấp xã, phường chủ động lựa chọn địa bàn đủ điều kiện để tổ chức lớp truyền dạy tại cộng đồng, trường học, phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

3. Hằng năm, căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, hiện trạng bảo tồn di sản và khả năng cân đối nguồn lực, các địa phương lựa chọn, đề xuất hỗ trợ phục dựng, tái hiện các nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một, thất truyền theo quy định; bảo đảm tính nguyên gốc, sự đồng thuận của cộng đồng chủ thể và sự tham gia của nghệ nhân, người am hiểu phong tục.

4. Rà soát, chuẩn hóa và hỗ trợ có trọng tâm đối với các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng đủ điều kiện theo quy định; thực hiện hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên hằng năm theo quy định, gắn với kết quả hoạt động thực tế.

5. Thực hiện rà soát, lựa chọn và đề xuất xây dựng kế hoạch/dự án hỗ trợ bảo tồn, sửa chữa, nâng cấp một số không gian văn hóa thực hành di sản tiêu biểu như nhà dài truyền thống, nhà sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt văn hóa còn giữ giá trị truyền thống và có khả năng phục vụ sinh hoạt, truyền dạy, thực hành di sản.

6. Từng bước xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa công chiêng, nghệ nhân, người thực hành, câu lạc bộ, đội, nhóm, nghi lễ, lễ hội, không gian văn hóa và tư liệu số hóa; bảo đảm nguyên tắc đồng thuận của cộng đồng, phân quyền tiếp cận dữ liệu, bảo vệ yếu tố thiêng và tri thức đặc thù.

7. Hình thành, hỗ trợ xây dựng các mô hình bảo tàng sinh thái nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng gắn với du lịch cộng đồng tại những địa bàn đủ điều kiện, có quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển du lịch phù hợp.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết

- Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND đến các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cộng đồng, nghệ nhân, người thực hành di sản, các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hệ thống thông tin cơ sở, báo chí địa phương, mạng xã hội chính thống; lồng ghép tuyên truyền tại các hội nghị, lớp tập huấn, liên hoan, hội thi, ngày hội văn hóa, sinh hoạt cộng đồng.

Thời gian thực hiện: Từ quý III năm 2026 và thường xuyên hằng năm.

Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; UBND các xã, phường.

2. Rà soát, thống kê, lập danh mục đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách

- UBND các xã, phường chủ trì rà soát, lập danh sách các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng được thành lập đủ điều kiện theo

Nghị quyết, bảo đảm có ít nhất 10 thành viên tự nguyện tham gia, có danh sách thành viên, kế hoạch hoạt động hằng năm, ban chủ nhiệm hoặc người phụ trách, tổ chức sinh hoạt thường xuyên ít nhất 01 lần/tháng và nội dung thực hành phù hợp với giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng.

- Rà soát hiện trạng bộ chiêng, nhạc cụ dân gian, trang phục, đạo cụ, thiết bị âm thanh; hiện trạng nhà dài truyền thống, nhà sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt văn hóa có khả năng phục vụ thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng, ban hành Kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn thống nhất mẫu phiếu kiểm kê, phiếu rà soát, tiêu chí đánh giá, biểu mẫu thống kê, biểu mẫu tổng hợp áp dụng chung trong toàn tỉnh; hướng dẫn địa phương chuẩn hóa dữ liệu ngay từ đầu, bảo đảm thống nhất dữ liệu từ cấp xã đến cấp tỉnh, làm căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ hằng năm.

- Ưu tiên các đối tượng, địa bàn có đủ thông tin rà soát, có hoạt động thực hành thường xuyên, có cam kết sử dụng tài sản, kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, phục vụ lợi ích cộng đồng; không hỗ trợ trùng lặp một nội dung đã được ngân sách nhà nước bảo đảm theo chính sách khác.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu bước đầu về nghệ nhân, người thực hành, câu lạc bộ, đội, nhóm, không gian văn hóa, nghi lễ, lễ hội truyền thống gắn với di sản công chiêng trên địa bàn tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành rà soát ban đầu trong năm 2026; cập nhật hằng năm.

Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tổ chức lớp truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản

- Các địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp truyền dạy, thực hành, trao truyền di sản văn hóa phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng, cơ sở giáo dục mầm non, trường học các cấp và trường dân tộc nội trú tại vùng có hoạt động thực hành di sản.

- Nội dung truyền dạy gồm: diễn tấu công chiêng, múa xoang, chỉnh chiêng, nhạc cụ dân gian, hát dân gian, kể khan, nghi thức thực hành trong lễ hội, nghi lễ truyền thống và các tri thức liên quan phù hợp từng cộng đồng.

- Mỗi lớp phải có kế hoạch, danh sách học viên, nghệ nhân tham gia truyền dạy, chương trình, thời lượng, địa điểm, biên bản nghiệm thu, hình ảnh, video hoặc tài liệu minh chứng theo quy định. Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng, thực hiện hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết.

Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Dân tộc và Tôn giáo; các cơ sở giáo dục; cộng đồng, nghệ nhân, người thực hành di sản.

4. Hỗ trợ phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một

- Các địa phương thực hiện khảo sát, rà soát, lựa chọn và lập danh mục các nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một, thất truyền gắn với không gian văn hóa công chiêng để đề xuất hỗ trợ phục dựng, tái hiện tại địa phương theo quy định.

- Việc lựa chọn nghi lễ, lễ hội để hỗ trợ phục dựng, tái hiện được thực hiện theo hướng linh hoạt, căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, hiện trạng bảo tồn di sản, mức độ nguy cơ mai một, thất truyền và khả năng cân đối nguồn lực của từng địa phương; không quy định cứng số lượng nghi lễ, lễ hội phải phục dựng, tái hiện hằng năm đối với từng địa phương.

- Việc phục dựng, tái hiện phải bảo đảm phù hợp phong tục, tập quán, tín ngưỡng, đời sống văn hóa và có sự đồng thuận của cộng đồng chủ thể; có sự tham gia của nghệ nhân, người am hiểu phong tục, già làng, trưởng buôn và đại diện chính quyền cơ sở. Quá trình thực hiện phải tôn trọng yếu tố gốc, yếu tố thiêng, không sân khấu hóa tùy tiện, không làm sai lệch bản chất, chức năng, giá trị và ý nghĩa văn hóa của nghi lễ, lễ hội.

- Nội dung đề xuất phục dựng, tái hiện cần thể hiện rõ tên nghi lễ, lễ hội; cộng đồng chủ thể thực hành; địa điểm, thời gian thực hiện; quy trình cơ bản của nghi lễ, lễ hội; thành phần tham gia; nhu cầu về vật tư, lễ vật, đạo cụ, nhạc cụ, trang phục; phương án bảo vệ yếu tố gốc, yếu tố thiêng; phương án tư liệu hóa, lưu giữ tư liệu sau phục dựng, tái hiện và kinh phí dự kiến theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo; các cơ quan chuyên môn, nhà nghiên cứu, nghệ nhân, già làng, trưởng buôn, cộng đồng chủ thể di sản.

5. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và duy trì hoạt động câu lạc bộ, đội, nhóm

- UBND các xã, phường triển khai thực hiện rà soát, hướng dẫn các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng kiện toàn ban chủ nhiệm, thành viên và quyết định thành lập các câu lạc bộ, đội, nhóm thực hành di sản văn hóa theo quy định tại Điều 8 Nghị định 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Việc hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên hằng năm đối với câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng đủ điều kiện theo quy định được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND. Việc hỗ trợ phải gắn với kết quả hoạt động thực tế, kế hoạch sinh hoạt định kỳ, hoạt động truyền dạy,

tham gia phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng, liên hoan, hội thi, hội diễn, hoạt động bảo tồn và phát huy di sản tại địa phương.

- UBND các xã, phường chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của câu lạc bộ, đội, nhóm; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng thiết bị, nhạc cụ, trang phục, đạo cụ và kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, không trùng lặp chính sách. Nội dung rà soát, tổng hợp và hướng dẫn thực hiện theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND, quy định hiện hành và các hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; cộng đồng dân cư, câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ.

6. Bảo tồn, sửa chữa, nâng cấp không gian văn hóa thực hành di sản

- Khảo sát, lập danh mục nhà dài truyền thống, nhà sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiêu biểu còn lưu giữ giá trị truyền thống, đang được sử dụng hoặc có khả năng sử dụng phục vụ thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản công cộng.

- Lập kế hoạch/dự án đề xuất phương án bảo tồn, sửa chữa, nâng cấp nhà dài truyền thống, không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiêu biểu còn lưu giữ giá trị truyền thống tại địa phương. Việc sửa chữa, nâng cấp phải bảo đảm giữ gìn yếu tố kiến trúc, vật liệu, công năng, không gian và giá trị văn hóa truyền thống; không làm biến dạng công trình, không biến không gian sinh hoạt cộng đồng thành điểm kinh doanh thuần túy.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2027 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Dân tộc và Tôn giáo; cộng đồng dân cư, chủ sở hữu công trình, tổ chức liên quan.

7. Kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu

- Tổ chức kiểm kê, sưu tầm, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, lập hồ sơ, tư liệu hóa các bài chiêng, nghi lễ, lễ hội, tri thức chũm chiêng, nghệ thuật diễn xướng, nhạc cụ, trang phục, không gian văn hóa, nghệ nhân và người thực hành di sản.

- Hỗ trợ chủ thể văn hóa trực tiếp tham gia cung cấp thông tin, diễn xướng phục vụ ghi âm, ghi hình, hướng dẫn tại chỗ, điền phiếu kiểm kê theo mức quy định tại Nghị quyết.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa công cộng của tỉnh; phân loại dữ liệu theo mức độ công khai, hạn chế, nhạy cảm hoặc thiêng; bảo đảm có sự đồng thuận của cộng đồng trước khi ghi chép, ghi hình, công bố, khai thác hoặc sử dụng dữ liệu.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa công chiêng và kết nối phục vụ quản lý nhà nước; đồng thời kết nối dữ liệu di sản công chiêng với cơ sở dữ liệu di sản văn hóa của tỉnh, ngành văn hóa và các nền tảng truyền thông, giáo dục, du lịch phù hợp.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các cơ quan nghiên cứu, nghệ nhân, cộng đồng chủ thể di sản.

8. Phát huy giá trị di sản công chiêng gắn với du lịch cộng đồng

- Lựa chọn địa phương đủ điều kiện để khảo sát, xây dựng mô hình không gian trải nghiệm, thực hành và giới thiệu di sản văn hóa công chiêng.

- Tổ chức trưng bày, giới thiệu các loại hình văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; kết nối trình diễn công chiêng, múa xoang, nhạc cụ dân gian, ẩm thực, nghề thủ công, kể chuyện di sản, sinh hoạt cộng đồng với hoạt động du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng dựa trên nguyên tắc bảo vệ di sản, tôn trọng cộng đồng, chia sẻ lợi ích công bằng và không làm sai lệch giá trị truyền thống.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ năng đón tiếp khách, thuyết minh di sản, xây dựng sản phẩm trải nghiệm, bảo vệ môi trường, an toàn cho du khách, quản lý nguồn thu và chia sẻ lợi ích trong cộng đồng.

- Khuyến khích doanh nghiệp du lịch, hợp tác xã, hộ gia đình, nghệ nhân, câu lạc bộ, đội, nhóm tham gia xây dựng sản phẩm trải nghiệm văn hóa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, công khai, hài hòa lợi ích giữa cộng đồng chủ thể, nghệ nhân và doanh nghiệp du lịch; có cơ chế thỏa thuận rõ ràng với cộng đồng chủ thể.

- Tăng cường quảng bá di sản văn hóa công chiêng trong các sự kiện văn hóa, lễ hội, liên hoan, hoạt động xúc tiến du lịch, ngoại giao văn hóa và truyền thông số của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cơ quan phối hợp: UBND các xã, phường; các doanh nghiệp du lịch; cộng đồng dân cư; nghệ nhân, câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ.

9. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, gồm: số lớp truyền dạy; số học viên, nghệ nhân tham gia; số nghi lễ, lễ hội được phục dựng; số câu lạc bộ, đội, nhóm được hỗ trợ và duy trì hoạt động; số không gian văn hóa được bảo tồn, sửa chữa; số tư liệu được số hóa; số mô hình du lịch cộng đồng được hình thành; mức độ tham gia và hài lòng của cộng đồng.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản, trang thiết bị được hỗ trợ; kịp thời chấn chỉnh các trường hợp hỗ trợ sai đối tượng, trùng lặp, sử dụng sai mục đích hoặc không bảo đảm hiệu quả.

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn vào năm 2030; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp thực tiễn.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách địa phương hằng năm theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối của tỉnh, xã, phường.

- Nguồn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án có liên quan.

- Nguồn tài trợ, viện trợ, huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu, kế toán, tài sản công và các quy định chuyên ngành hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các sở, ngành, địa phương.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn thống nhất biểu mẫu rà soát, mẫu phiếu kiểm kê, biểu mẫu thống kê, tiêu chí lựa chọn đối tượng hỗ trợ, quy trình kiểm tra hồ sơ, mẫu báo cáo gửi các địa phương thực hiện; bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, thống nhất phục vụ quản lý, tổng hợp và theo dõi chính sách.

- Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các địa phương; phối hợp Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

- Chủ trì tổ chức các lớp truyền dạy cấp tỉnh; hướng dẫn phục dựng nghi lễ, lễ hội; kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu; tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách để tham

muu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định; kiểm tra việc sử dụng kinh phí, bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp chính sách.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động truyền dạy, trải nghiệm, tìm hiểu di sản văn hóa công cộng phù hợp với lứa tuổi, điều kiện từng địa bàn; nội dung truyền dạy, trải nghiệm, tìm hiểu di sản văn hóa công cộng.

- Khuyến khích đưa nội dung giáo dục di sản văn hóa công cộng vào hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ học đường, trường dân tộc nội trú, trường vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp rà soát các địa bàn, cộng đồng dân tộc thiểu số có thực hành di sản văn hóa công cộng; lồng ghép nội dung bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia bảo tồn, thực hành và trao truyền di sản văn hóa công cộng; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tuyên truyền, vận động cộng đồng thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng; bảo đảm việc triển khai các chính sách, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thực hiện công tác triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa công cộng và kết nối phục vụ quản lý nhà nước; phối hợp hướng dẫn quản trị dữ liệu, bảo mật, phân quyền truy cập và kết nối dữ liệu phục vụ truyền thông, giáo dục, quảng bá di sản phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

6. Sở Xây dựng: Phối hợp trong công tác thẩm định theo phân cấp, hướng dẫn thực hiện các quy định liên quan đến đầu tư xây dựng các công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà dài truyền thống, nhà sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt văn hóa phục vụ thực hành di sản công cộng.

7. UBND các xã, phường

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết tại địa phương; chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan; huy động nguồn xã hội hóa hợp pháp để thực hiện chính sách.

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa dữ liệu về nghệ nhân, người thực hành, câu lạc bộ, đội, nhóm, bộ chiêng, nhạc cụ, trang phục, đạo cụ, nghi lễ, lễ hội, không gian văn hóa thực hành di sản theo mẫu phiếu, biểu mẫu thống kê thống nhất do

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn. Hằng năm, rà soát và bố trí kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên cho các câu lạc bộ, đội, nhóm theo đúng quy định của Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND; tổng hợp gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để theo dõi, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi việc sử dụng tài sản được hỗ trợ; bảo đảm tài sản phục vụ hoạt động cộng đồng, không chuyển nhượng, sử dụng sai mục đích hoặc để thất thoát, hư hỏng do thiếu trách nhiệm. Bảo đảm công khai, minh bạch danh sách đối tượng, nội dung, kinh phí hỗ trợ tại cộng đồng; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, chứng từ, kết quả thực hiện và hiệu quả sử dụng kinh phí; bảo đảm sự tham gia, giám sát của cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở.

- Thiết lập “đường dây nóng hoặc hộp thư điện tử” để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trực tiếp từ nghệ nhân và cộng đồng về việc thực hiện chính sách tại cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: gửi báo cáo 06 tháng **trước ngày 15 tháng 6** và báo cáo năm **trước ngày 15 tháng 11 hằng năm**.

- Tuyên truyền, vận động cộng đồng, nghệ nhân, câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng:

- + Chủ động tham gia truyền dạy, thực hành, phục dựng, kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa và phát huy giá trị di sản.

- + Quản lý, sử dụng đúng mục đích trang thiết bị, nhạc cụ, trang phục, đạo cụ, kinh phí được hỗ trợ; duy trì sinh hoạt định kỳ, truyền dạy cho thế hệ trẻ, tham gia các hoạt động văn hóa tại địa phương.

- + Phối hợp với chính quyền địa phương bảo vệ không gian văn hóa, yếu tố thiêng, tri thức truyền thống, quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng chủ thể di sản.

8. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk

- Tăng cường tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung chính sách; giới thiệu mô hình hay, cách làm hiệu quả, nghệ nhân tiêu biểu, cộng đồng thực hành tốt di sản văn hóa công chiêng.

- Phối hợp xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự, sản phẩm truyền thông số về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng; giám sát việc thực hiện chính sách tại cộng đồng, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

(Danh mục nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường được giao nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp.

- UBND các xã, phường gửi báo cáo 6 tháng **trước ngày 15 tháng 6** và báo cáo năm **trước ngày 15 tháng 11 hằng năm**; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai chính sách; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại các kỳ họp theo quy định.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết giai đoạn 2026 - 2030 vào quý IV năm 2030, làm cơ sở đề xuất chính sách giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *luon*

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng ĐTKT;
- TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{Vu}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Nhuận Byă

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm
1	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết và Kế hoạch triển khai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Quý III năm 2026 và hằng năm	Kế hoạch triển khai Nghị quyết của UBND tỉnh; tuyên truyền, phổ biến tại các cơ quan, đơn vị; tin, bài...
2	Hướng dẫn hồ sơ, quy trình, điều kiện hỗ trợ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Quý III/2026	Văn bản hướng dẫn thực hiện
3	Rà soát, lập danh mục nghệ nhân, người thực hành và các câu lạc bộ, đội nhóm thực hành di sản văn hoá gắn với công chiêng	UBND các xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III–IV/2026; cập nhật hằng năm	Danh mục cộng đồng, nghệ nhân, câu lạc bộ, đội, nhóm
4	Kế hoạch tổ chức lớp truyền dạy, thực hành, trao truyền di sản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Sở Giáo dục và Đào tạo; nghệ nhân, cộng đồng, thôn, buôn	Hằng năm	Kế hoạch và báo cáo kết quả các lớp được tổ chức
5	Phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống	UBND các xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cộng đồng thôn, buôn, nghệ nhân, nhà nghiên cứu	2026 - 2030	Hồ sơ phục dựng, tư liệu hóa, báo cáo kết quả
6	Hỗ trợ mua sắm, duy trì hoạt động	UBND các xã,	Sở Văn hóa, Thể thao	2026 - 2030	Trang thiết bị được

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm
	câu lạc bộ, đội, nhóm	phường	và Du lịch, Sở Tài chính; cộng đồng dân cư, câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ		bàn giao, báo cáo kết quả hoạt động hằng năm
7	Bảo tồn, sửa chữa, nâng cấp không gian văn hóa thực hành di sản	UBND các xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Sở Dân tộc và Tôn giáo; cộng đồng dân cư, chủ sở hữu công trình	2027 - 2030	Công trình/không gian được hỗ trợ, hồ sơ nghiệm thu
8	Kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường; cộng đồng	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu, hồ sơ số hóa, phiếu kiểm kê
9	Xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái phát huy di sản gắn với du lịch cộng đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường; doanh nghiệp, cộng đồng	2026 - 2030	Mô hình điểm, sản phẩm trải nghiệm di sản
10	Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, các sở ngành liên quan, UBND các xã, phường	Hằng năm; sơ kết 2028; tổng kết 2030	Báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh